

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11/4/2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19/12/2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 4083/QĐ-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-PAS ngày 18/02/2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Phê duyệt Dự toán hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-BYT ngày 14/8/2024 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt nội dung hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3288/QĐ-BYT ngày 05/11/2024 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt điều chỉnh nội dung hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Dự toán kinh phí chi tiết hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm (Nhiệm vụ đặc thù) năm 2025 lần 1 của Trung tâm Xét nghiệm y sinh học lâm sàng và dịch vụ khoa học kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-PAS ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của Dự toán mua sắm: Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-PAS ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Dự toán mua sắm: Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-PAS ngày 11/8/2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Dự toán mua sắm: Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Công văn số 2465/PAS-VTTBYT ngày 13/8/2025 về việc gửi Dự thảo và mời hoàn thiện hợp đồng;

Căn cứ Công văn số 2464/PAS-VTTBYT ngày 13/8/2025 về việc gửi Dự thảo và mời hoàn thiện hợp đồng;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng số 01/BBHT/VKNATVSTPQG-PAS ngày 18/8/2025 với Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng số 02/BBHT/QUATEST3-PAS ngày 18/8/2025 với Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quatest 3);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù), bao gồm:

- Tên dự toán mua sắm: Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù);
- Tên gói thầu: Cung cấp chương trình thử nghiệm thành thạo phục vụ hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (nhiệm vụ đặc thù);
- Tên nhà thầu và giá được chỉ định thầu rút gọn:

Tên nhà thầu được chỉ định thầu rút gọn	Giá được chỉ định thầu rút gọn (đồng)
Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia - vn0103991698	42.500.000
Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quatest 3) - vn0301281040	3.024.000

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

- Tên Chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nguồn vốn: An toàn thực phẩm nhiệm vụ đặc thù 2025;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG**Nguyễn Vũ Trung**

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ GIÁ GÓI THẦU CỦA CÁC NHÀ THẦU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH THẦU RÚT GỌN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia - vn0103991698

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(9)	(10) = (6)*(9)
1	Chương trình PT trên nền mẫu thực phẩm - Chỉ tiêu chất bảo quản	Nước giải khát (H25.74) Hàm lượng Natri benzoate, Kali Sorbat	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
2	Chương trình PT trên nền mẫu nước - Chỉ tiêu Cu, Fe	Nước sạch dùng cho sinh hoạt (H25.45) Hàm lượng Đồng, Sắt	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
3	Chương trình PT trên nền mẫu thực phẩm chức năng - Chỉ tiêu Định lượng Curcumin	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (H25.87) Hàm lượng Curcumin	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
4	Chương trình PT trên nền mẫu Thực phẩm- Chỉ tiêu Định lượng Ochratoxin A	Thực phẩm từ ngũ cốc cho trẻ dưới 36 tháng (H25.96) Hàm lượng Ochratoxin A	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
5	Chương trình PT trên nền mẫu nước - Chỉ tiêu độ đục	Nước sạch dùng cho sinh hoạt (H25.59) Độ đục	Chương trình	1	2.000.000	2.000.000
6	Chương trình PT trên nền mẫu Thực phẩm bảo vệ sức khỏe - Chỉ tiêu Định lượng Prednisolone	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (H25.85) Hàm lượng Corticoid (Prednisolone)	Chương trình	1	3.000.000	3.000.000
7	Chương trình PT trên nền mẫu Thực phẩm bảo vệ sức khỏe - Chỉ tiêu Định lượng Cyproheptadin	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (H25.86) Hàm lượng Cyproheptadin	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
8	Chương trình PT trên nền mẫu nước - Chỉ tiêu pH, độ cứng, chỉ số Pecmanganat, TDS	Nước sạch dùng cho sinh hoạt (H25.61) pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Chỉ số pecmanganat, Độ cứng (tính theo CaCO3)	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
9	Chương trình PT trên nền mẫu nước - Chỉ tiêu Bromat, nitrat, nitrit, fluorid	Nước uống đóng chai (H25.79) Hàm lượng Bromat, Nitrat (tính theo ion nitrat), Nitrit (tính theo ion nitrit), Fluorid	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
10	Chương trình PT trên nền mẫu nước - Chỉ tiêu Hg, As	Nước uống đóng chai (H25.47) Hàm lượng Thủy ngân, Arsen	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
11	Chương trình PT trên nền mẫu nước - Chỉ tiêu Cl, F, NO ₂ , NO ₃ SO ₄	Nước sạch dùng cho sinh hoạt (H25.31) Hàm lượng các chất Sunphat, Chloride (Cl-), Fluor (F), Nitrat (NO ₃ - tính theo N), Nitrit (NO ₂ - tính theo N)	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
12	Chương trình PT trên nền mẫu nước - Chỉ tiêu Mn	Nước sạch dùng cho sinh hoạt (H25.46) Hàm lượng Mangan	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
13	Chương trình PT trên nền mẫu bao bì - Chỉ tiêu Cd, Pb	Bao bì (H25.110) Hàm lượng Cd, Pb	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
14	Chương trình PT trên nền mẫu Thực phẩm - Chỉ tiêu Định lượng Clostridium perfringens	-Định lượng Clostridium perfringens trong sữa bột - Mã chương trình V25.58	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
15	Chương trình PT trên nền mẫu Nước uống - Chỉ tiêu Định lượng Escherichia coli; Coliforms;Enterococcus faecalis; Pseudomonas aeruginosa	Định lượng Escherichia coli; Coliforms;Enterococcus faecalis; Pseudomonas aeruginosa trong nước uống - Mã chương trình V25.12	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
16	Chương trình PT trên nền mẫu thực phẩm - Chỉ tiêu Định lượng Bacillus cereus	Định lượng Bacillus cereus trong sữa - Mã chương trình V25.23	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
17	Chương trình PT trên nền mẫu Thực phẩm - Chỉ tiêu Định lượng Enterobacteria ,Định lượng Listeria monocytogenes	Định lượng Enterobacteria ,Định lượng Listeria monocytogenes trong kem Mã chương trình V25.57	Chương trình	1	2.500.000	2.500.000
Tổng cộng					42.500.000	

2. Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quatest 3) - vn0301281040

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(9)	(10) = (6)*(9)
1	Chương trình PT trên nền mẫu thực phẩm - Chỉ tiêu Phát hiện Vibrio Cholerae	- Phát hiện Vibrio cholerae trong thủy hải sản - Mã chương trình QPT 042/25	Chương trình	1	3.024.000	3.024.000
Tổng cộng					3.024.000	